TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HC-ST
Ngày 20-02-2019
V/v khiếu kiện Quyết định bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Sương

Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 01 và 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý sơ thẩm số 132/2018/TLST- HC ngày 25 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 79/2018/QĐST-HC ngày 15/10/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 180/2018/TB-TA ngày 28/12/2018, về việc khiếu kiện quyết định bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23-7-2018, có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND thị xã P, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Võ Mạnh H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P (có mặt).

- Ông Trần Thế V – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P (có mặt).

- Ông Lê Thanh B – Phó Chủ tịch UBND phường M, Tx. P (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Dầu khí I, địa chỉ: 326 đường N, phường B, Tp. V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Quang C, sinh năm 1964; địa chỉ: 37 đường H, phường B, Tp. V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08-10-2018, có mặt).

2. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ bà Lê Thị M sử dụng diện tích đất 42.598m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 42.298m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số: 52, 54, 42, 43, 06, 109, 110, 111, 112, 113, 145, 146, 144, tờ bản đồ số 05 xã M, huyện T, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số P809787 ngày 07/5/2001.

Ngày 12/12/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ban hành Quyết định 10.720/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất trên để xây dựng công trình: khu công nghiệp B1 (Đợt 5 giai đoạn II).

Ngày 15/12/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 10.855/QĐ-UBND (Quyết định 10.855) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M để xây dựng công trình: Khu công nghiệp B1 (đợt 5 – Giai đoạn II) xã M, huyện T, với nội dung:

Điều 1: Nay phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M để xây dựng công trình: Khu công nghiệp B1 (đợt 5 – Giai đoạn II) xã M, huyện T.

1/ Bồi thường về đất:
- Đất ở (Vị trí 1 – Khu vực 3), số lượng 300m^2
- Đất NN (Vị trí 1 – Khu vực 3), số lượng 42.298m^2

2/ Hỗ trợ về đất:

Vị trí 1 – Khu vực 3
- Đất NN liền kề: (84.000đ x 30% = 25.200đ), số lượng 39.034,7m^2

Vị trí 2 – Khu vực 3
- Đất NN không liền kề: (50.000đ x 30% = 15.000đ), số lượng 3.263,3m^2

3/ Hoa màu:
- ……
- Quýt 3 năm, số lượng 12 cây : không bồi thường
- ….

Tổng kinh phí bồi thường và hỗ trợ: 4.278.011.180 đồng

Ngày 13-01-2009, bà M khiếu nại Quyết định 10.855.

Ngày 11-02-2015, UBND huyện T ban hành Quyết định số 856/QĐ-UBND (Quyết định 856) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M thuộc dự án: Khu công nghiệp B1 (đợt 5+7 – Giai đoạn II) xã M, huyện T, với nội dung:

Điều 1: Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M thuộc dự án: Khu công nghiệp B1 (đợt 5+7 – Giai đoạn II) xã M, huyện T:

Số lượng cây mai chưa được bồi thường vượt mật độ cây trồng (Tính toán bồi thường bằng 20% đơn giá)

- Mai cao 2,2m, số lượng 3.200 cây, đơn giá 30.000 đồng, thành tiền 96.000.000đ

- Mai cao 1,5m, số lượng 1.700 cây, đơn giá 30.000 đồng, thành tiền 51.000.000đ

Tổng phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 147.000.000 đồng.

Ngày 15/5/2009 bà M có đơn xin giao đất ở mới. UBND huyện đồng ý giao 01 lô đất ở mới cho hộ bà M tại văn bản 822/UBND-BT.GPMB ngày 02/7/2009. Gia đình bà M đã nhận đất này tại khu tái định cư 25ha Phú Mỹ.

Bà M có đơn xin giao thêm 03 lô đất ở mới. Ngày 02/4/2018, UBND huyện T có văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ (Văn bản 294) v/v trả lời đơn bà Lê Thị M, không chấp nhận yêu cầu của bà M vì trước đây đã giao 01 lô đất ở mới cho bà M.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:

Gia đình bà Lê Thị M có mảnh đất bị thu hồi diện tích đất 42.598m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 42.298m^2 đất nông nghiệp) tại xã M, huyện T. Ngày 12/12/2008, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 10.720/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất trên để xây dựng công trình: khu công nghiệp B1 (Đợt 5 giai đoạn II). Sau khi thu hồi đất, UBND huyện T ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về đất ở, đất nông nghiệp và cây trái, hoa màu trên đất. Tuy nhiên các quyết định này đã áp dụng sai một số quy định, dẫn đến việc áp giá bồi thường sai, gây thiệt hại về kinh tế và đời sống cho gia đình bà. Cụ thể:

- Về phương án bồi thường đất ở, đất nông nghiệp: Quyết định 10.855 áp dụng vị trí, khu vực đất ở, đất nông nghiệp vị trí 1, khu vực 3 là sai dẫn đến bồi thường, hỗ trợ sai. Thực tế đất của gia đình bà M nằm trong khu vực cách khu công nghiệp B1 – TH trong phạm vi từ 100m – 150m tính từ giới hạn khu công nghiệp. Căn cứ điểm b2 khoản 1 Điều 2 về bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ- UBND ngày 20/12/2007 cũa UBND tỉnh quy định thì vị trí đất gia đình bà phải áp dụng là vị trí 1, khu vực 2 mới đúng.

- Về đền bù thiệt hại cây trồng, vật kiến trúc: Quyết định 856/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho gia đình bà, trong đó có nhiều cây trồng đã kiểm kê nhưng chưa bồi thường hoặc bồi thường không đúng. Cụ thể:

Số cây trồng đã kiểm kê nhưng chưa bồi thường:

+ Cây quýt 03 năm, số lượng 12 cây

+ Ao đào diện tích 5m x 60m, sâu 4m

Số cây trồng bồi thường không đúng: Cây mai vàng, số lượng 3.200 cây cao 2,2m và 1.700 cây cao 1,5m bồi thường theo Quyết định 856/QĐ-UBND ngày 11/02/2015 cho rằng cây trồng vượt mật độ, tính toán bồi thường bằng 20% là không đúng. Thời điểm có quyết định thu hồi đất của UBND huyện T là ngày 12/12/2008, các loại cây trồng bồi thường hỗ trợ phải áp dụng theo Quyết định 43/2008/QĐ-UBND ngày 22/7/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Về việc xin giao đất ở mới:

Ngày 02/4/2018 UBND huyện T ban hành Văn bản 294/UBND-TT.PTQĐ trả lời đơn bà M, trong đó UBND huyện chỉ đồng ý giao cho gia đình bà 01 lô đất ở mới (100m^2) theo Văn bản số 822/UBND-BT.GPMB ngày 02/7/2009. Thực tế gia đình bà bị thu hồi diện tích đất lớn (42.598m^2) trong đó có 300m^2 đất thổ cư. Tại thời điểm trên, cả gia đình bà gồm 6 người cùng tạm trú trên mảnh đất đó để sản xuất nông nghiệp, đã xây nhà kho chứa vật tư và chuồng trại chăn nuôi gồm: nhà cấp 4 và nhà tạm diện tích 359,5m^2; chuồng trại nuôi heo và gà diện tích 524m^2. Thuộc diện bị giải tỏa trắng, song gia đình bà chỉ nhận được 01 suất đất ở mới tại khu tái định cư với diện tích 100m^2. Do điều kiện không còn nơi ở nào khác nên gia đình bà M yêu cầu phải được bố trí đất ở mới ít nhất là ngang bằng với diện tích đất ở đã bị thu hồi.

Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M về khu vực, vị trí đất tính bồi thường.

- Hủy Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-2015 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M.

- Hủy Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T trả lời đơn bà Lê Thị M.

- Buộc UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà M về đất ở, đất nông nghiệp theo khu vực 2 đối với diện tích 42.598m^2.

- Buộc UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà M về cây trồng, vật kiến trúc gồm: cây mai vàng 4.900 cây, 12 cây quýt, 01 ao đào 5m x 60m, sâu 4m.

- Buộc UBND huyện T phê duyệt phương án bố trí đất ở mới cho bà M theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 3288/UBND-TNMT ngày 06/12/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, UBND Thị xã P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

1. Việc xác định thông tin địa chính, khu vực, vị trí đất thu hồi của bà Lê Thị M:

Bà Lê Thị M sử dụng các thửa đất số 52, 54, 42, 43, 06, 109, 110, 111, 112,

113, 145, 146, 144, tờ bản đồ số 05 tại phường Mỹ Xuân với tổng diện tích thu hồi tại dự án KCN B1 là 42.598m^2. Khu đất bà M nằm tiếp giáp với các tuyến đường đất nhỏ hơn 6m, cách tuyến đường M – N khoảng 1.119m.

Căn cứ Quyết định 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Tại số thứ tự 16 mục B Phụ lục 03 Danh mục đường trên địa bàn huyện T kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ-UBND quy định: *Các tuyến đường còn lại chưa được xác địnhở khu vực 1, khu vựa 2 nêu trên có giá đất ở (50m đầu) là* ***84.000đ/m^2.***

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 quy định: ***Khu vực 3 vị trí 1 có giá đất ở là 84.000đ/m^2.***

Tại điểm c khoản 1 Điều 3 quy định:

Cách xác định vị trí đất của 03 khu vực:

- Vị trí 1: 50 m đầu tính từ lộ giới hợp pháp của đường giao thông chính, ven đầu mối giao thông, trường hợp chưa có lộ giới thì được tính từ ranh giới mặt tiền hợp pháp trở vào.

- Vị trí 2: sau mét thứ 50 của vị trí 1 đến mét thứ 100.

- Vị trí 3: sau mét thứ 100 của vị trí 2 đến mét thứ 150.

- Vị trí 4: sau mét thứ 150 của vị trí 3 đến mét thứ 200

Từ những căn cứ trên, thông tin địa chính, khu vực, vị trí đất của bà M được xác định như sau:

Chính sách hỗ trợ về đất: Căn cứ Điều 2 Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khu vực, vị trí đất để tính hỗ trợ đất nông nghiệp liền kề với đất ở của bà M được xác định là 39.034,7m^2 thuộc khu vực 3 vị trí 1 và 3.263,3m^2 thuộc khu vựa 3 vị trí 2.

Chính sách bồi thường về đất: Khu vực, vị trí đất để tính bồi thường đất ở, đất nông nghiệp cho bà M được xác định là khu vực 3 vị trí 1, căn cứ khoản 2 Điều 1 tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh (đối với đất nông nghiệp).

Từ những căn cứ trên, UBND huyện T ban hành Quyết định 10855/QD-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M là đúng quy định.

2. Cơ sở pháp lý để tính bồi thường, hỗ trợ 20% đơn giá cây mai:

Ngày 15/9/2014, UBND huyện T có Văn bản 2649/UBND-TT.PTQĐ về việc xin ý kiến về việc bồi thường, hỗ trợ đối với cây mai, cây kiểng và cây vượt mật độ.

Ngày 17/10/2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 2206/SNN-KHCN về việc báo cáo kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ

trợ đối với cây mai, cây kiểng và cây vượt mật độ do UBND huyện T tính toán đề xuất.

Ngày 28/10/2018, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Văn bản 7991/UBND-VP về việc bồi thường, hỗ trợ đối với cây mai, cây kiểng và cây vượt mật độ trên địa bàn huyện T. Tại khoản 1, UBND tỉnh đã thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2206/SNN-KHCN về phương án bồi thường, hỗ trợ đối với cây mai, cây kiểng và cây vượt mật độ trên địa bàn huyện T. Tại khoản 2, UBND tỉnh giao UBND huyện T căn cứ kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở ngành liên quan tại văn bản nêu trên, tổ chức chi trả cho các hộ dân thuộc các dự án trên địa bàn huyện. Do đó UBND huyện T đã tổ chức thực hiện chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân theo quy định.

Từ những cơ sở trên, UBND thị xã P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác nội dung khởi kiện của bà Lê Thị M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí I trình bày: Công ty đã bồi thường cho gia đình bà M theo Quyết định của UBND huyện T. Công ty không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Th trình bày: Ông Thức đồng ý thống nhất với nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án và chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: UBND huyện T chưa bồi thường 12 cây quýt và 01 ao đào cho gia đình bà M là thiếu sót, việc xác định khu vực, vị trí đất để tính bồi thường là chưa phù hợp pháp luật vì vậy yêu cầu bồi thường bổ sung cây trồng và xác định lại khu vực, vị trí đất của bà M là có sơ sở chấp nhận. Việc giao 01 lô đất ở và bồi thường cây mai trồng vượt mật độ cho gia đình bà M là đúng pháp luật nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà M về bồi thường bổ sung 12 cây quýt và 01 ao đào, xác định lại khu vực, vị trí đất; bác yêu cầu khởi kiện về bồi thường cây mai và giao thêm đất ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản nêu ý kiến, quan điểm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008, Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-

2015, Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T đều là quyết định hành chính về đất đai bị khởi kiện. Do vậy, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Xét sau khi nhận được Quyết định 10.855 bà M đã khiếu nại đối với quyết định này; ngày 11-02-2015 UBND huyện T ban hành Quyết định số 856/QĐ-UBND bồi thường bổ sung cho bà M, nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết khiếu nại của bà M là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, do lỗi của UBND huyện T. Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 có liên quan đến việc khiếu nại thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho hộ bà M. Do vậy, ngày 07/6/2018 bà Lê Thị M nộp đơn khởi kiện Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008, Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-2015, Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T là còn trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008, Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-2015 của UBND huyện T:

[4.1] Về hình thức: Được ban hành đúng hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2003.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Về xác định khu vực, vị trí đất:

Căn cứ sơ đồ vị trí thửa đất thu hồi, hồ sơ giải quyết khiếu nại và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì tại thời điểm thu hồi đất (năm 2008), diện tích đất thu hồi của bà M có mặt tiền đường đất rộng >6m cách khu công nghiệp B1 – TH 94m tính từ giới hạn khu công nghiệp.

Mục b.2 và mục b.3 điểm b khoản 1 Điều 2 và Bảng giá đất các loại trên địa Bà tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 quy định:

"b) Phân loại khu vực: đất ở nông thôn gồm có 03 khu vực:

b.1) Khu vực 1: ...

b.2) Khu vực 2: đất nằm ven các trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực khu dân cư trung tâm xã hoặc cụm xã; khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất, cụ thể:

- ...

- Đất có mặt tiền tiếp giáp khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp ***(trong khoảng cách 200 mét kể từ ranh giới khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp)****;*

- ...

b.3) Khu vực 3: là những vị trí còn lại trên địa bàn xã, cụ thể:

- Đất nằm ***tách biệt*** *khu dân cư trung tâm xã hoặc cụm xã (sau mét thứ 200 kể từ ranh giới khu dân cư trung tâm xã); khu thương mại dịch vụ, khu du lịch, khu công nghiệp* ***(sau mét thứ 200 kể từ ranh giới khu thương mại dịch vụ, khu du lịch, khu công nghiệp)****; khu vực chợ, bến xe (sau mét thứ 400 kể từ khu dân cư trung tâm chợ, bến xe);*

….."

UBND huyện T cho rằng đất thu hồi của bà M để xây dựng Khu công nghiệp B1 theo Quyết định 663/QĐ-TTg ngày 26/10/1998 và Quyết định 4021/QD-UBND ngày 26/10/2005 của UBND tỉnh BR-VT thu hồi bổ sung 34.444,7m^2 đất. Trong khi Khu công nghiệp B1 – TH được thành lập năm 2005 theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 13/10/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau năm 1998), nên không được tính đến yếu tố giáp ranh khu công nghiệp.

Xét khu công nghiệp B1 – TH được hình thành năm 2005, quyết định thu hồi đất của bà M ban hành năm 2008 sau khi khu công nghiệp B1 – Tiến Hùng đã hình thành nên phải được xem xét yếu tố giáp ranh khu công nghiệp khi tính phương án bồi thường, hỗ trợ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Bảng giá đất các loại trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007, đất bà M bị thu hồi có mặt tiền đường rộng > 6m cách khu công nghiệp B1 – TH 94m nên được xác định khu vực 2.

[4.2.2] Về bồi thường cây trái, hoa màu:

Tại Biên bản kiểm kê ngày 10/10/2007 thể hiện trên đất thu hồi có 01 ao đất đào sâu 4m (5 x 60), mai cao 2,2m 3200 cây, mai cao 1,5m 1.700 cây, quýt 12 cây (3n).

Tại Quyết định 10.855 thể hiện không bồi thường 12 cây quýt và không thể hiện bồi thường 01 ao đào và 4.700 cây mai cho bà M.

Ngày 11-02-2015, UBND huyện T ban hành Quyết định số 856/QĐ-UBND (Quyết định 856) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M, với nội dung:

Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M:

Số lượng cây mai chưa được bồi thường vượt mật độ cây trồng (Tính toán bồi thường bằng 20% đơn giá)

- Mai cao 2,2m, số lượng 3.200 cây, đơn giá 30.000 đồng, thành tiền 96.000.000đ

- Mai cao 1,5m, số lượng 1.700 cây, đơn giá 30.000 đồng, thành tiền 51.000.000đ

UBND huyện T cho rằng số cây mai trồng vượt mật độ nên được tính toán bồi thường bằng 20% đơn giá theo Quyết định 08/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh BR-VT.

Tuy nhiên, Quyết định 08/2014/QĐ-UBND quy định số cây mai trồng trong mật độ thì được bồi thường 100% theo đơn giá, số cây trồng vượt mật độ thì bồi thường bằng 20% đơn giá và quy định mật độ cây mai: trồng để lấy gốc ghép: 10.000 cây/ha – 14.300 cây/ha, trồng để bán nhánh: 2.500 cây/ha. UBND huyện T chưa xác định số cây mai trồng trong mật độ, số cây vượt mật độ mà xác định toàn bộ số cây mai vượt mật độ là chưa có căn cứ, chưa phù hợp theo Quyết định 08/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh BR-VT.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND huyện T cho rằng 13

cây Quýt (3n) được trồng sau khi có thông báo thu hồi đất, bà M đào ao không được sự cho phép của chính quyền nên không được xem xét bồi thường về cây Quýt và ao đào, tuy nhiên không đưa ra được chứng cứ, căn cứ pháp luật để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Bà M cho rằng đã đào ao từ năm 2003, thời điểm này chưa có quy định phải xin phép và sử dụng để chứa nước phục vụ việc tưới vườn cây trồng lâu năm.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định UBND huyện T chưa bồi thường 01 ao đào và không bồi thường 13 cây quýt cho hộ bà M là chưa đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà M.

[4.2.3] Về tái định cư:

Theo hồ sơ thu hồi đất thì gia đình bà M có hộ khẩu thường trú ở huyện C, đăng ký tạm trú tại ấp Th, xã M, huyện T và không thực tế sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất (ấp M1, xã M) nên không đủ điều kiện để được tái định cư theo Nghị định 194/2004/NĐ-CP của chính phủ, Thông tư 116/2004/TT-BTC hường dẫn Nghị định 197 và Điều 11 Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh BR-VT.

Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND huyện T không cấp tái định cư cho bà M là đúng quy định pháp luật.

[5] Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018, của UBND huyện T:

Điều 11, Điều 12 Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh BR-VT quy định:

*"**Điều 11**. Điều kiện để được bố trí tái định cư và điều kiện để được giao đất ở mới*

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nhà ở hoặc đất ở tái định cư khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có nhà ở và có đất ở được bồi thường (hoặc có đất được bồi thường theo đất ở);

- Đang thực tế sử dụng nhà ở tại nơi bị giải tỏa;

- Phải giải tỏa hết nhà ở, đất ở; hoặc diện tích đất còn lại sau thu hồi không phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

.....

4. Hộ gia đình, cá nhân được giao nhà ở hoặc đất ở mới khi có đủ các điều kiện sau đây :

- Có nhà ở và có đất được bồi thường theo quy định này;

- Đang thực tế sử dụng nhà ở tại nơi bị giải tỏa;

- Phải giải tỏa hết nhà ở, đất; hoặc diện tích đất còn lại sau thu hồi không phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

***Điều 12.** Số lượng nhà ở, đất ở để bố trí tái định cư và giao đất ở mới*

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 , khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của quy định này được bố trí số lô tái định cư tương đương với diện tích đất ở bị thu hồi; trong trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi không đủ diện tích một lô tái định cư thì được bố trí một lô tái định cư.

2. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quy định này được giao một căn nhà hoặc một lô đất ở và phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất.

...”

Gia đình bà M bị thu hồi đất ở có nhà, diện tích đất thu hồi lớn. UBND huyện T đã xem xét giao cho gia đình bà M 01 lô đất ở tại Văn bản số 822/QĐUB-BT.GPMB ngày 2/7/2009 là đúng quy định về số lượng giao đất ở mới theo khoản 2 Điều 12 Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh BR-VT, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình bà M.

Bà M yêu cầu UBND huyện T giao thêm 03 lô đất ở mới (bằng diện tích đất ở bị thu hồi) là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T trả lời về việc không có cơ sở giao đất thêm cho bà M là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008, Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-2015 của UBND huyện T phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ bà Trần Thị mai chưa phù hợp pháp luật về việc xác định vị trí, khu vực đất thu hồi, 4.900 cây mai vàng và chưa bồi thường 12 cây quýt, 01 ao đào 5m x 60m, sâu 4m làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà M. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với Quyết định 10.855 và Quyết định 856 của UBND huyện T về việc xác định lại khu vực, vị trí đất; bồi thường đối với 4.900 cây mai vàng, 12 cây quýt, 01 ao đào 5m x 60m, sâu 4m; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T.

[5] Về án phí: do yêu cầu của bà M được chấp nhận nên UBND huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Bảng giá đất các loại trên địa Bà tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 96/2007/QĐ- UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Quyết định 08/2014/QĐ-UBND ngày 17/2/2014 của UBND Bà Rịa Vũng Tàu;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Hủy mục 1/Bồi thường về đất, mục 2/Hỗ trợ về đất, mục 3/Hoa màu: Quýt 3 năm (12 cây) Điều 1 Quyết định số 10.855/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M.

Hủy Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11-02-2015 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trồng (cây mai + cây kiểng) cho hộ bà Lê Thị M.

Buộc UBND huyện T (nay là Thị xã P) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M đối với 42.598m^2 đất đã thu hồi; bồi thường, hỗ trợ đối với 4.900 cây mai vàng, 12 cây quýt, 01 ao đào theo quy định pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc hủy Văn bản số 294/UBND-TT.PTQĐ ngày 02/4/2018 của UBND huyện T trả lời đơn bà Lê Thị M; buộc UBND huyện T phê duyệt phương án bố trí đất ở mới cho bà M theo quy định pháp luật.

3. Án phí:

Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Thị xã P) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001797 ngày 20-6-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng